TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 245/2018//LĐ-ST
Ngày: 06/7/2018
V/v tranh chấp về tiền lương.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Đình Tiến

2. Bà Cao Kim Triều

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diệu Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1860/2017/LĐST ngày 23 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp về tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2281/2018/QĐXXST-LĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên toà số 2827/2018/QĐST-LĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Hồng T, sinh năm 1978 (*Có mặt*)
Địa chỉ: B37 Đường B, phường T, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH G.
Địa chỉ: 372/2B Đường C, Phường M, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 20/2 Đường Đ, Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nguyệt T, sinh năm 1979;
Địa chỉ: 69/30 Đ, Phường M, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.
(*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2017, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa bà Đào Hồng T là nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/4/2017, bà vào làm việc tại Văn phòng đại diện của Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty), địa chỉ số 26/28 N, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh với mức lương khởi điểm 6.000.000 đồng/tháng. Người đại diện theo pháp

luật của Công ty tại thời điểm đó là bà Đậu Thị T thông báo bà phải thử việc 03 tháng và nhận lương vào ngày mồng 10 dương lịch của tháng tiếp theo và phải giữ bí mật tiền lương, muốn nghỉ việc phải thông báo trước 30 ngày.

Ngày 10/5/2017, bà T trả lương cho bà bằng tiền mặt nhưng không yêu cầu ký nhận vào bảng lương. Bà đã hỏi có ký vào bảng lương nhưng bà T trả lời không cần. Sau đó, bà T thông báo bà là trường hợp đặc biệt nên được Công ty nhận vào làm nhân viên chính thức sau 01 tháng thử việc nhưng không giao hợp đồng lao động để ký kết với bà. Giữa bà với bà T trao đổi công việc bằng miệng, đến tháng 6/2017 bà T thông báo bà phải báo cáo công việc qua Skype. Đến đầu tháng 7/2017, bà T đọc quyết định trước toàn thể nhân viên Công ty bổ nhiệm ông Huỳnh Anh T làm Phó Giám đốc công ty phụ trách chuyên môn kế toán, tất cả các nhân viên kế toán phải chịu sự điều hành và báo cáo công việc cho ông T; các vấn đề khác ngoài chuyên môn kế toán như lương, thưởng, nhân sự thì gặp bà T. Bà được ông T giao làm báo cáo thuế Quý 2 cho 22 công ty khách hàng qua nhập liệu trên phần mềm kế toán của Công ty (hạn chót hoàn thành là ngày 31/7/2017), hoàn thiện sổ sách kế toán của 22 công ty này ở thời điểm Quý 2 từ các chứng từ khách hàng cung cấp vào tháng 8/2017. Bà trao đổi công việc qua Skype và làm việc với ông T vào các buổi sáng thứ 7 hàng tuần. Bà đã nhận đủ tiền lương đến hết tháng 7/2017 số tiền 6.000.000 đồng/tháng.

Ngày 26/8/2017 (thứ bảy), bà báo với ông T xin thôi việc và ngay trong ngày được ông T báo lại đã nói chuyện xin nghỉ việc của bà với bà T và được chấp thuận, yêu cầu bà hoàn thiện xong công việc dang dở, bàn giao rồi nghỉ. Để đảm bảo việc phải thông báo nghỉ việc trước 30 ngày nên vào ngày 27/8/2017 bà gửi mail xin thôi việc cho ông T và bà T nêu ngày chính thức nghỉ việc là 28/8/2017. Ngày 29/8/2017, bà T có gửi lại mail xác nhận chấp thuận đơn xin nghỉ việc của bà. Bà đã hoàn thành công việc được giao và bàn giao vào ngày 04/9/2017 có mail xác nhận của ông T, ông T cho biết bà có thể nghỉ việc vào ngày 05/9/2017 và gặp bà T để nhận lương tháng 8 tính đến ngày 04/9/2017.

Cuối ngày 04/9/2017, bà gặp bà T hỏi ngày mai bà nghỉ việc được không, được lãnh lương không hay phải đợi đến ngày 10/9 thì bà T đồng ý và bảo bà cho số tài khoản để chuyển tiền lương. Bà đã gửi mail cung cấp thông tin số tài khoản ngân hàng nhưng Công ty không chuyển trả tiền lương. Bà gọi điện hỏi thì bà T bảo do bà chưa hoàn thành công việc báo cáo thuế Quý 3 cho khách hàng (vào 30/10/2017) nên không được lãnh lương tháng 8.

Bà cho rằng Công ty đã cậy thế là người ban phát công việc, nắm giữ quyền và tiền trong tay mà ép người lao động yếu thế như bà, không đảm bảo đầy đủ quyền lợi của người lao động là được ký hợp đồng lao động, được trả lương và đóng bảo hiểm xã hội. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Công ty trả tiền lương của tháng 8 và đến ngày 04/9/2017 với số tiền là 6.666.666 đồng, ký hợp đồng lao động và đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 5/2017 đến ngày 04/9/2017.

Bị đơn là Công ty TNHH G, có người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thị Nguyệt T đã được Toà án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, vắng mặt trong quá trình chuẩn bị xét xử. Tuy nhiên, Công ty có gửi cho Toà

án Công văn số 01/2018/CV-BTX ngày 08/01/2018 (có chữ ký cuả Bà Nguyễn Thị Nguyệt T và đóng dấu công ty) nêu ý kiến như sau:

Công ty TNHH G không thuê mướn lao động nào có tên Đào Hồng T, đề nghị Bà Đào Hồng T cung cấp tài liệu chứng minh Công ty có thuê mướn và chưa chi trả tiền lương như: Hợp đồng lao động, chứng từ Công ty đã từng thanh toán tiền lương, giấy xác nhận chưa thanh toán tiền lương… Hiện Công ty kinh doanh chưa hiệu quả, chưa thuê mướn lao động nên đang đăng ký tạm ngưng kinh doanh, đề nghị Toà án liên hệ về địa chỉ nhà riêng số 20/2 Đ, Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà T trình bày giữa bà và Công ty TNHH G có giao kết hợp đồng lao động nhưng không lập thành văn bản. Theo các bản khai Bà T trình bày mức lương mà bà được hưởng là 6.000.000 đồng/tháng nhận vào ngày 10 hàng tháng. Tuy nhiên, bà không đưa ra được hợp đồng lao động nào chứng minh cho lời trình bày của mình, hơn nữa Bà T trình bày giữa bà và công ty chỉ thoả thuận về lương, không thể hiện được những thoả thuận cơ bản khác của hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 23 Bộ luật Lao động như thời hạn lao động, chế độ nâng lương, bảo hiểm xã hội, y tế, công việc cụ thể,… Những lời trình bày của Bà T lại không được phía bị đơn thừa nhận. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử:

Bà Đào Hồng T cho rằng được Công ty TNHH G tuyển dụng vào làm việc tại Văn phòng đại diện công ty ở địa chỉ số 26/28 N, phường Đ, Quận M từ ngày 10/4/2017. Sau khi nghỉ việc không được Công ty thanh toán tiền lương nên bà khởi kiện. Xét, tranh chấp này phát sinh từ quan hệ lao động tại hoạt động của chi nhánh nên nguyên đơn có quyền lựa chọn Toà án nơi Bị đơn có chi nhánh để giải quyết, do đó vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện tranh chấp về tiền lương và trước khi khởi kiện tại Toà án đã yêu cầu Phòng Lao động Thương binh Xã hội Quận M thực hiện thủ tục hoà giải cơ sở nhưng không thành theo Biên bản lập ngày 03/10/2017 là

phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 201 Bộ luật Lao động.

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh ngày 27/02/2018; phiếu cung cấp thông tin doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh Tp. Hồ Chí Minh cấp cho Bà Đào Hồng T ngày 03/10/2017; Công văn số 01/2018 ngày 08/01/2018 của Công ty TNHH G xác định bị đơn có trụ sở chính tại 372/2B C, Phường M, Quận B; có văn phòng đại diện tại 26/28 N, phường Đ, Quận M. Tuy nhiên, bị đơn có Công văn số 01/2018/CV-BTX ngày 08/01/2018 đề nghị Toà án liên hệ theo địa chỉ số 20/2 Đ, Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh. Quá trình chuẩn bị xét xử và tham gia phiên toà, bị đơn và người đại diện pháp luật của bị đơn đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Đào Hồng T cho rằng bà được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty), bắt đầu thử việc ở Văn phòng đại diện của Công ty tại 26/28 N, phường Đ, Quận M từ ngày 10/4/2017, mức lương 6.000.000 đồng/tháng và chỉ sau một tháng thì được Công ty nhận vào làm việc chính thức nhưng không ký hợp đồng lao động bằng văn bản. Công ty trả lương bằng tiền mặt, không ký nhận vào bảng lương và bà đã nhận đủ tiền lương đến tháng 7/2017. Trong quá trình làm việc, bà nhận phân công thực hiện công việc và trao đổi bằng hình thức trao đổi miệng, qua skype (là một ứng dụng được dùng trên điện thoại di động) và sổ ghi chép hàng ngày của bà với bà Đậu Thị T (người đại diện theo pháp luật) và ông Huỳnh Anh T (người được bà T thông báo là phụ trách chuyên môn kế toán). Vào ngày 26 và 27/8/2107, bà đã thông báo và gửi đơn xin nghỉ việc qua mail cho ông T, bà T và được bà T gửi mail phản hồi chấp thuận. Sau đó, bà hoàn thành mọi công việc được giao và bàn giao lại cho bà Ngô Kiều Q là nhân viên của Công ty vào ngày 04/9/2017. Ngày 05/9/2017 bà nghỉ việc nhưng Công ty không trả lương của tháng 8 và đến ngày 04/9/2017 nên bà khởi kiện, yêu cầu Công ty TNHH G phải trả số tiền lương là 6.666.666 đồng, ký hợp đồng lao động và đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 5/2017 đến ngày 04/9/2017.

Ngược lại, tại Công văn số 01/2018/CV-BTX ngày 08/01/2018 Bị đơn có ý kiến không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cho rằng Công ty không thuê mướn lao động nào có tên Đào Hồng T, đề nghị Bà Đào Hồng T cung cấp tài liệu chứng minh Công ty có thuê mướn và chưa chi trả tiền lương như: Hợp đồng lao động, chứng từ Công ty đã từng thanh toán tiền lương, giấy xác nhận chưa thanh toán tiền lương.

Xét thấy ý kiến trình bày của Bà T không được Công ty thừa nhận, các chứng cứ do Bà T cung cấp như: Biên bản bàn giao công việc lập ngày 04/9/2017 giữa Bà T với bà Ngô Kiều Q (nhân viên Công ty) không có dấu xác nhận của Công ty. Quá trình chuẩn bị xét xử, Toà án đã triệu tập bà Đậu Thị T, ông Huỳnh Anh T, bà Ngô Kiều Q tại địa chỉ Văn phòng đại diện theo đề nghị của Bà T nhưng ông T, bà Q không có mặt tại đây (Biên bản ghi nhận về việc không thực hiện được việc tống đạt ngày 22/7/2017 của Văn phòng Thừa phát lại Quận M có xác nhận của UBND

phường Đ, Quận M), Bà T không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú của ông T, bà Q nên Toà án không thể triệu tập họ để làm rõ các ý kiến trình bày của Bà T. Đối với băng ghi âm Bà T tự ghi lại cho là cuộc nói chuyện qua điện thoại với bà Đậu Thị T nhưng bà T vắng mặt, Bà T không yêu cầu trưng cầu giám định nên băng ghi âm không được xem là chứng cứ hợp lệ. Bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh địa chỉ mail có tên miền dauthithao@yahoo.com là của bà Đậu Thị T hay tuanqnh@yahoo.com là của ông Huỳnh Anh T nên không có cơ sở xác định đây là địa chỉ hộp thư điện tử của bà T, ông T để xem xét nội dung trao đổi của các bên. Xét Bà T là người lao động có trình độ tốt nghiệp đại học, căn cứ vào tính chất và vị trí công việc được tuyển dụng vào Công ty bà có đủ khả năng nhận biết và yêu cầu Công ty phải ký kết hợp đồng lao động để bảo đảm quyền lợi của mình theo quy định tại Điều 16, Điều 18 Bộ luật Lao động, nếu bà có yêu cầu nhưng Công ty không thực hiện thì bà có quyền từ chối để tìm công việc khác phù hợp hơn, tuy nhiên bà vẫn chấp nhận làm việc và khi nghỉ việc không được Công ty thanh toán tiền lương thì mới khởi kiện, cho rằng Công ty đã cậy thế là người ban phát công việc, nắm giữ quyền và tiền trong tay mà ép người lao động yếu thế như bà là bản thân bà chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người lao động để bảo đảm được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp lao động xảy ra. Hơn nữa, bà trình bày giữa bà và Công ty có thoả thuận tiền lương 6.000.000 đồng/tháng nhưng không thể hiện có thoả thuận về thời hạn hợp đồng, chế độ bảo hiểm xã hội và bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh hợp lệ nên không đủ cơ sở để xác định Công ty có vi phạm nghĩa vụ về xác lập quan hệ lao động, thanh toán tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi bị đơn phải trả tiền lương tháng 8 và tính đến ngày 04/9/2017 với số tiền là 6.666.666 đồng, ký hợp đồng lao động và đóng tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2017 đến ngày 04/9/2017.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Đào Hồng T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 và khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147 và các Điều 203, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, Điều 15, Điều 16, Điều 17, khoản 1 Điều 18, Điều 23 và Điều 201 Bộ luật Lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đào Hồng T yêu cầu Công ty TNHH G trả tiền lương tháng 8 tính đến ngày 04/9/2017 với số tiền là 6.666.666 đồng, ký hợp đồng lao động và đóng tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2017 đến ngày 04/9/2017.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Đào Hồng T không phải nộp án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Ánh